

BẢNG TỔNG HỢP THÔNG TIN VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ

Dự án: Nâng cấp tuyến đường Duy Tân (đoạn từ đường Ngô Quyền đến đường Hàm Nghi),

(Kèm theo Phương án số /PA-TTPTQĐ.CNLK ngày tháng năm 2025 của Trung tâm Phát triển Quỹ đất tỉnh Đồng Nai chi nhánh Long Khánh)

ĐVT: Đồng

STT	Họ Và Tên	Diện tích đất thu hồi (m2)	Diện tích đất bồi thường (m2)				Đất Tôn giáo, Tín nguồ ng	Diện tích đất hỗ trợ (m2)	Giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất	Giá trị bồi thường, hỗ trợ nhà ở, vật kiến trúc	Giá trị bồi thường, hỗ trợ cây trồng	Giá trị bồi thường, hỗ trợ tài sản khác	Giá trị về các chính sách hỗ trợ	Thưởng di dời	Tổng cộng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
			Nông nghiệp		Phi nông nghiệp											
			Tổng	Trong đó đất trồng lúa	Tổng	Trong đó đất ở										
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	14	15	16	17	18
1	Ông Nguyễn Văn Học và Bà Lê Thị Năm	19,3			19,3	19,3			289.924.600	143.387.100	0	8.700.000	0	12.000.000	454.011.700	
2	Ông Nguyễn Thanh Bình và bà Trần Thị Kim Hương	18,7	9,3		9,4	9,4			168.158.200	39.229.416	0	3.600.000	0	10.000.000	220.987.616	
3	Hộ ông Võ Thời	23,6			23,6	23,6			354.519.200	67.710.000	0	0	0	12.000.000	434.229.200	
4	Hộ bà Hồ Thị Thân	18,5			18,5	18,5			277.907.000	61.576.500	0	5.100.000	0	12.000.000	356.583.500	
5	Ông Trần Phước Tạo và bà Hồ Thị Chính	10,6			10,6	10,6			159.233.200	84.496.200	0	5.100.000	0	10.000.000	258.829.400	
6	Ông Trần Phước Thành và bà Nguyễn Thị Thanh Trang	8,8			8,8	8,8			132.193.600	39.237.000	0	5.100.000	0	8.000.000	184.530.600	
7	Hộ bà Trà Thị Sân	7,1			7,1	7,1			106.656.200	2.208.440	0	0	0	8.000.000	116.864.640	
8	Ông Võ Thanh Bình và bà Nguyễn Thị Kim Chung	11,7			11,7	11,7			175.757.400	44.049.600	0	5.100.000	0	10.000.000	234.907.000	
9	Ông Nguyễn Đình Huynh và Bà Nguyễn Thị Dũng	20,4			20,4	20,4			306.448.800	49.545.000	0	5.100.000	0	12.000.000	373.093.800	
10	Hộ bà Nguyễn Thị Xuân Chánh	24,8			24,8	24,8			372.545.600	157.583.200	0	5.100.000	0	12.000.000	547.228.800	
11	Hộ ông Phan Văn Phước	45,2			45,2	45,2			678.994.400	100.954.580	0	5.100.000	0	12.000.000	797.048.980	
12	Ông Nguyễn Chí Ba và Bà Trần Kim Lập	257,8	196,9		60,9	60,9			1.485.456.000	122.518.480	187.000	5.100.000	0	12.000.000	1.625.261.480	
13	Lục Thủ Năm	4,6			4,6	4,6			69.101.200	82.096.200	0	3.600.000	0	8.000.000	162.797.400	
14	Quang Thị Liễu	3,9			3,9	3,9			58.585.800	19.567.870	79.000	3.600.000	0	6.000.000	87.832.670	
15	Chùa Tam Hòa	10,7					10,7		96.439.100	167.427.215	0	3.600.000	0	10.000.000	277.466.315	
16	Ông Lê Kim Rồi và Bà Hồ Thị Cẩm Tuyết	59,1			59,1	59,1			998.849.100	692.732.500	0	8.700.000	0	12.000.000	1.712.281.600	
Tổng cộng		544,8	206,2	0	327,9	327,9	10,7	0	5.730.769.400	1.874.319.301	266.000	72.600.000	0	166.000.000	7.843.954.701	

Bảng chữ: Bảy tỷ, tám trăm bốn mươi ba triệu, chín trăm năm mươi bốn ngàn, bảy trăm lẻ một đồng